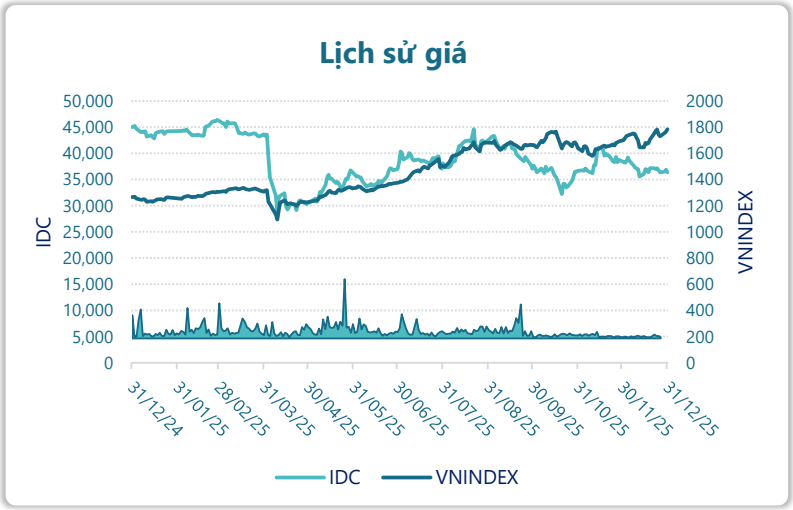
FireAnt

Tổng công ty IDICO - CTCP (HNX: IDC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**36,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	46,406
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,714
SL cổ phiếu LH	379,498,823
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,315,925
% sở hữu nước ngoài	13.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,814
P/E	7.2
EPS	5,090

DT thuần

Q4/25

2,160

tỷ VNĐ

QoQ: ▼711| -24.8%

YoY: ▲ 205| 10.5%

LN sau thuế

Q4/25

540

tỷ VNĐ

QoQ: ▼441| -45.0%

YoY: ▲ 102| 23.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

35.6%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

2025

8,588

tỷ VNĐ

YoY: ▼258| -2.9%

LN sau thuế

2025

2,354

tỷ VNĐ

YoY: ▼38.0| -1.6%

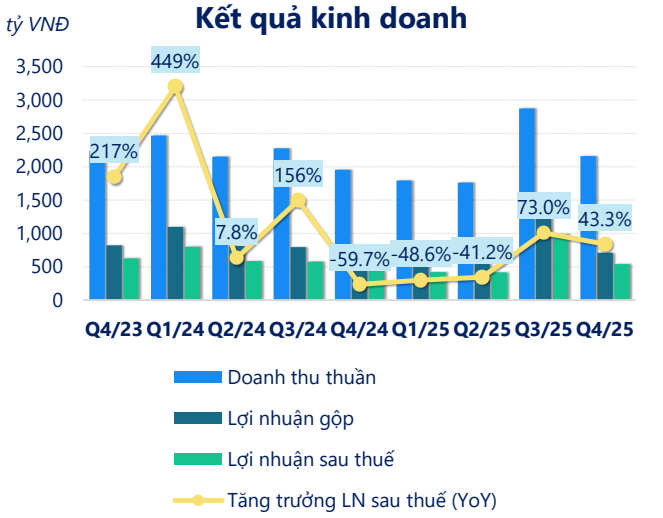
ROE

2025

25.0%

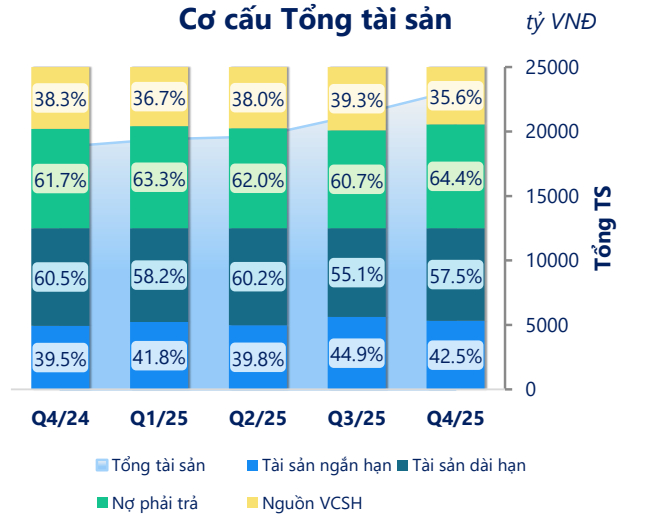
+/- YoY: ▼ 4.8%

Kết quả kinh doanh



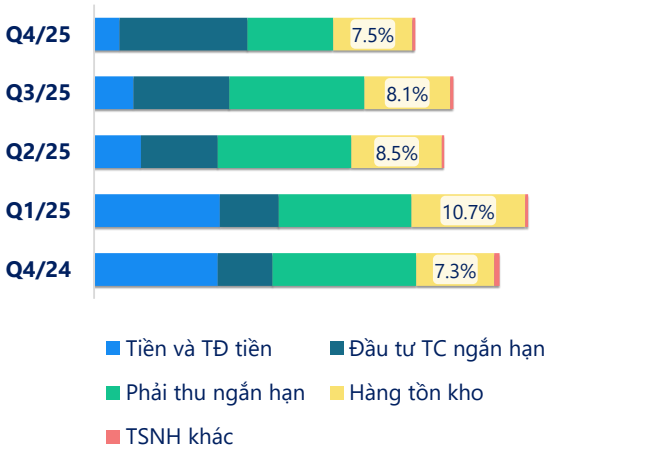
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



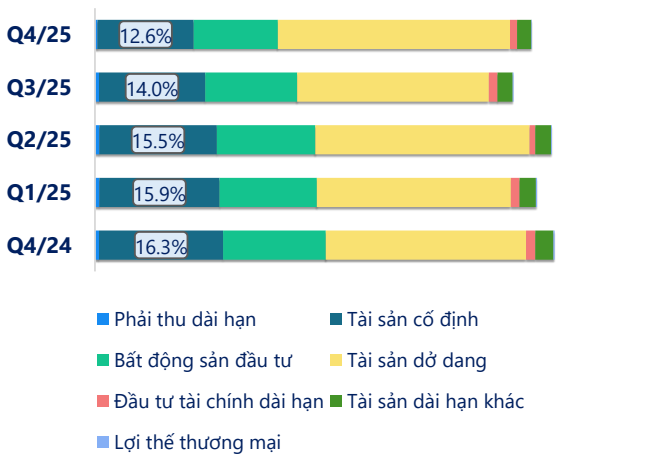
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



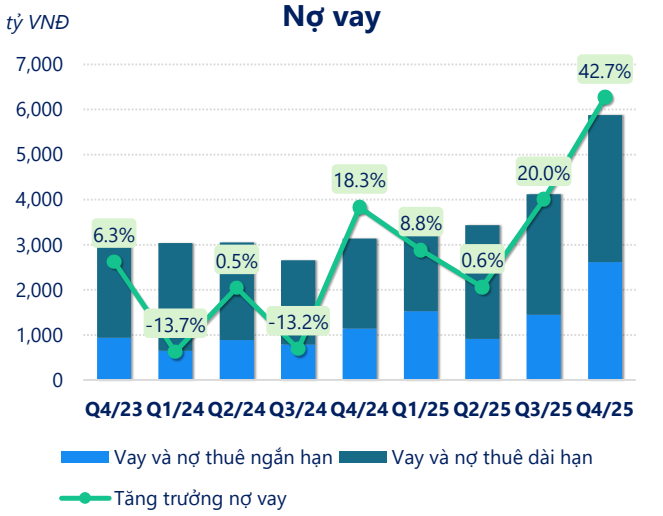
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



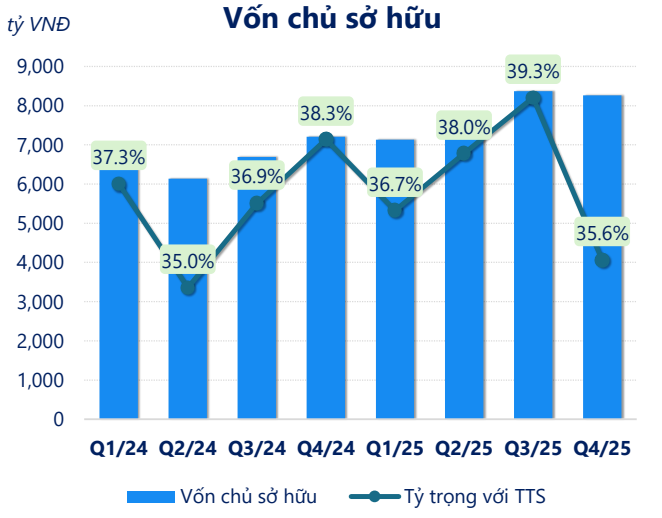
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



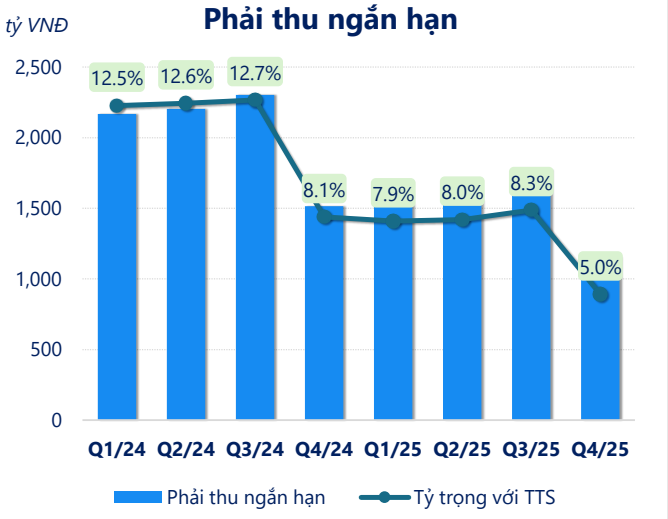
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



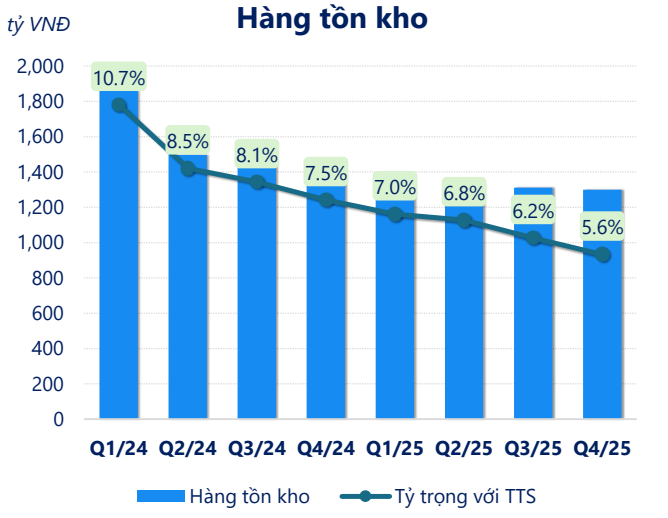
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



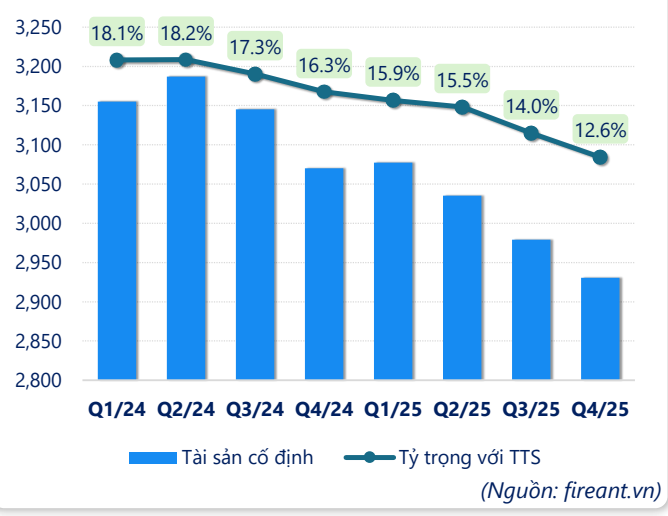
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



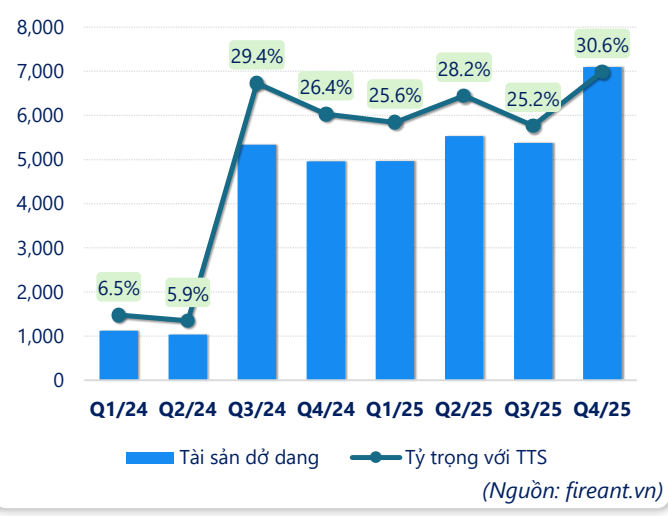
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



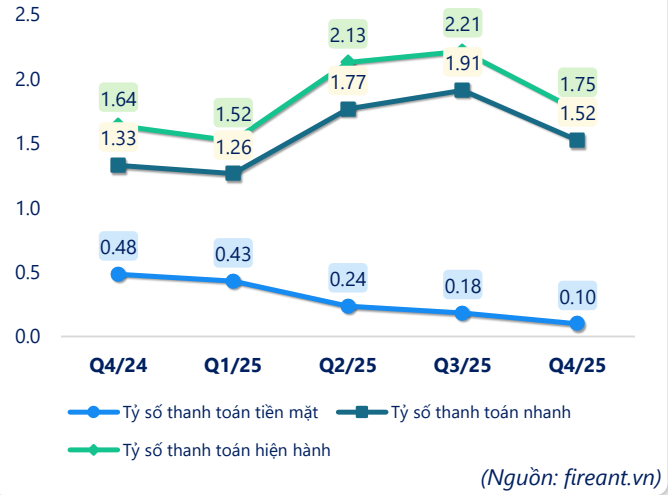
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



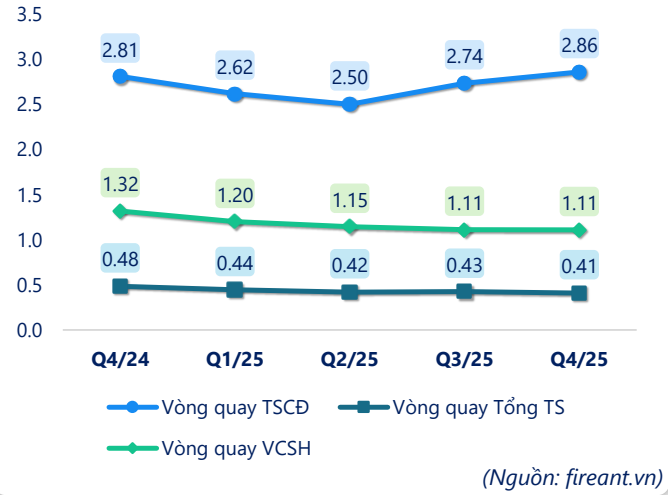
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**18,800**	**19,410**	**19,606**	**21,293**	**23,201**
Tài sản ngắn hạn	**7,422**	**8,117**	**7,811**	**9,563**	**9,857**
Tiền và tương đương tiền	2,188	2,293	863	792	553
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,264	2,908	4,019	5,646	6,807
Phải thu ngắn hạn	1,515	1,531	1,560	1,774	1,157
Hàng tồn kho	1,401	1,352	1,327	1,312	1,299
Tài sản ngắn hạn khác	54.2	33.1	42.5	38.6	41.0
Tài sản dài hạn	**11,377**	**11,293**	**11,795**	**11,730**	**13,345**
Phải thu dài hạn	103	110	110	110	80.7
Tài sản cố định	3,070	3,077	3,035	2,979	2,931
Bất động sản đầu tư	2,538	2,480	2,541	2,581	2,574
Tài sản dở dang	4,959	4,961	5,532	5,374	7,094
Đầu tư tài chính dài hạn	228	219	146	243	211
Tài sản dài hạn khác	447	417	405	422	436
Lợi thế thương mại	32.1	28.6	25.0	21.5	18.0
Nợ phải trả	**11,591**	**12,281**	**12,151**	**12,926**	**14,938**
Nợ ngắn hạn	**4,532**	**5,349**	**3,670**	**4,317**	**5,621**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,144	1,528	914	1,444	2,612
Phải trả người bán ngắn hạn	302	279	352	313	324
Nợ dài hạn	7,059	6,932	8,481	8,609	9,318
Vay và nợ thuê dài hạn	1,992	1,885	2,519	2,675	3,265
Nguồn vốn chủ sở hữu	**7,208**	**7,130**	**7,455**	**8,367**	**8,263**
Vốn chủ sở hữu	**7,208**	**7,130**	**7,455**	**8,367**	**8,263**
Vốn điều lệ	3,300	3,300	3,300	3,795	3,795
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)